

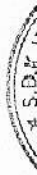
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
BIỂN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	15 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam (công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 7 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, trong đó lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 17 tháng 6 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
Cộng	1.400.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (0313) 731 946
Fax : (0313) 731 007
Mã số thuế : 0200106490

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Đại lý Tàu biển và Logistics	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Đại lý Dầu	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đồng Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Đại lý Tàu biển và Dịch vụ Hàng hải	9 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	69 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ngãi	696 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải đường biển;
- Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển;
- Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không;
- Xuất khẩu thuyền viên;
- Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty;
- Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống;
- Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các công ty con

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 ngày 22 tháng 12 năm 2010	51%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Hữu Chinh	Chủ tịch
Ông Bùi Việt Hoài	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Quang	Ủy viên
Ông Lê Việt Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên
Ông Trần Trọng Phúc	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Châu Quang Khải	Trưởng ban
Ông Đặng Hồng Trường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Việt Hoài	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Việt Hoài

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Số: 326/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2011, từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc về việc Công ty không đánh giá số dư các khoản tiền và công nợ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 mà việc đánh giá này chỉ được thực hiện vào cuối năm tài chính. Theo đó, tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011, các khoản vay dài hạn phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2011 được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18.932 VND/USD; các khoản vay dài hạn phát sinh trong năm 2011 được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo tỷ giá

bình quân liên ngân hàng tại ngày nhận nợ; các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 (theo thuyết minh số IV.16).

Giám đốc



Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ0059/KTV
TP. Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		630.355.676.537	556.876.631.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.754.475.919	134.272.441.361
1. Tiền	111		57.754.475.919	100.716.330.250
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	33.556.111.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.550.034.469	241.045.642.420
1. Phải thu khách hàng	131		124.155.992.544	106.724.743.198
2. Trả trước cho người bán	132		57.635.805.181	36.898.992.420
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	93.377.682.059	99.041.352.117
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(1.619.445.315)	(1.619.445.315)
IV. Hàng tồn kho	140		256.938.933.575	164.959.781.710
1. Hàng tồn kho	141	V.4	256.938.933.575	164.959.781.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.112.232.574	16.598.765.814
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	28.351.443.215	4.568.582.735
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		40.142	1.192.706.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	12.195.197.864	9.870.197.864
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.565.551.353	967.279.109

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.721.206.479.337	4.335.126.679.764
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.537.610.717.385	4.129.300.754.541
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.533.212.086.832	4.124.888.698.988
<i>Nguyên giá</i>	222		7.460.653.976.837	6.857.834.773.476
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.927.441.890.005)	(2.732.946.074.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.287.574.553	4.300.999.553
<i>Nguyên giá</i>	228		4.379.153.720	4.379.153.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(91.579.167)	(78.154.167)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	111.056.000	111.056.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82.183.397.343	80.183.397.343
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	82.183.397.343	80.183.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		101.412.364.609	125.642.527.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	85.332.732.075	109.758.830.201
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	14.881.630.879	14.881.630.879
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.198.001.655	1.002.066.800
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.351.562.155.874	4.892.003.311.069

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.891.860.896.396	3.324.282.371.675
I. Nợ ngắn hạn	310		1.036.201.011.969	746.740.146.683
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	410.298.200.000	235.324.760.000
2. Phải trả người bán	312		320.342.621.903	306.600.996.863
3. Người mua trả tiền trước	313		55.375.942.690	29.973.969.380
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	7.273.715.408	3.341.512.004
5. Phải trả người lao động	315		9.911.060.510	23.029.875.761
6. Chi phí phải trả	316	V.18	99.022.287.430	99.022.287.430
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	123.657.053.063	45.708.858.797
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	10.320.130.965	3.737.886.448
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.855.659.884.427	2.577.542.224.992
1. Phải trả dài hạn người bán	331		14.302.974.310	14.302.974.310
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	144.000.000	144.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	2.840.857.491.510	2.562.176.610.526
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	106.327.700	876.821.975
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.24	249.090.907	41.818.181
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.450.804.986.850	1.567.720.939.394
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	1.450.804.986.850	1.567.720.939.394
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.644.681.274)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.948.107.068	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.968.205.262	15.968.205.262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.888.674.520	153.397.415.406
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.896.272.628	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.351.562.155.874	4.892.003.311.069

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.208.349,76	4.704.771,33
Euro (EUR)		1,77	62.431,18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Henry

Nguyễn Bá Trường

Myk

Nguyễn Thị Ánh Tuyết



Bùi Việt Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.519.382.044.297	1.308.519.006.075
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.578.253.013	3.309.623.794
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.515.803.791.284	1.305.209.382.281
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.312.787.385.012	1.123.094.966.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		203.016.406.272	182.114.415.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.146.074.103	11.170.495.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	148.590.098.448	81.497.726.055
Trong đó: chi phí lãi vay	23		98.104.933.597	53.592.938.983
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	44.327.208.663	37.880.038.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	28.199.283.891	23.178.956.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.954.110.627)	50.728.190.363
11. Thu nhập khác	31	VI.7	23.192.859.462	16.464.874.391
12. Chi phí khác	32	VI.8	655.048.700	1.592.505.515
13. Lợi nhuận khác	40		22.537.810.762	14.872.368.876
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.583.700.135	65.600.559.239
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.013.954.257	12.000.000.000
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.569.745.878	53.600.559.239
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.546.272.628	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VI.9	6.023.473.250	53.600.559.239
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	43	383

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bùi Việt Hoài



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

		Đơn vị tính: VND		
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.584.301.232.833	1.399.592.074.106
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.227.363.065.634)	(1.036.425.120.321)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(113.544.567.519)	(99.009.119.427)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(97.165.740.826)	(62.104.068.978)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.624.133.585)	(9.599.859.961)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		108.529.877.324	84.562.696.834
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(134.108.760.510)	(112.739.613.386)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		117.024.842.083	164.276.988.867
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(645.309.710.019)	(481.760.045.761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		22.661.885.516	14.835.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.371.703.274	390.443.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(618.276.121.229)	(466.534.402.440)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		7.350.000.000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.101.219.090.000	716.275.425.565
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(647.564.769.016)	(425.108.361.530)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.271.007.280)	(37.837.039.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		424.733.313.704	253.330.025.035
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(76.517.965.442)	(48.927.388.538)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	134.272.441.361	175.295.171.215
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	148.363.837
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	57.754.475.919	126.516.146.514

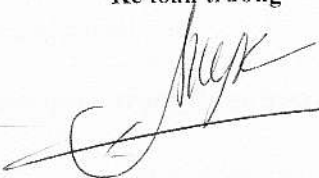
Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bùi Việt Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container. Đào tạo và huấn luyện thuyền viên.
4. **Tổng số các công ty con:** : 3
- Trong đó:
- Số lượng công ty con được hợp nhất : 3

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	100 %	100 %
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng	100 %	100 %
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vosco	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	51%	51%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 1.544 nhân viên đang làm việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là, nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCĐN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 20

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	6

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được thực hiện trích lập hoặc hoàn nhập vào thời điểm cuối năm tài chính ngày 31 tháng 12.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách và:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng.

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Năm 2009, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối 2009 được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian phân bổ là 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc vẫn phải trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc. Do đó, Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tiếp tục trích vào chi phí theo chính sách đã nêu ở trên.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong năm cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo nguyên tắc: doanh thu và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh, các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ. Tỷ giá ghi sổ được sử dụng là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc của tháng trước. Cuối mỗi tháng, số dư các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày cuối tháng và tỷ giá này được sử dụng là tỷ giá ghi sổ của tháng tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản công nợ ngắn hạn cuối mỗi tháng được phản ánh vào Tài khoản 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí trong kỳ tính từ thời điểm phát sinh chênh lệch. Đến cuối năm tài chính, số dư các khoản tiền và công nợ ngắn hạn được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày cuối năm theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Theo đó, Công ty không đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2011.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Báo cáo theo Bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.382.182.914	603.654.977
Tiền gửi ngân hàng	56.372.293.005	100.112.675.273
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		33.556.111.111
Cộng	<u>57.754.475.919</u>	<u>134.272.441.361</u>

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn các tàu vay	4.932.305.152	4.316.327.184
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	427.003.934	451.452.472
Bảo hiểm xã hội	222.173.533	
Bảo hiểm thất nghiệp	37.927.216	
Tiền bồi thường bảo hiểm	6.248.199.422	4.886.834.683
Quỹ ốm đau thai sản	14.756.500	34.325.882
Dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia		5.563.554.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		129.334.028
Thuế TNCN năm 2010 còn phải thu nhân viên		954.298.228
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	263.658.035	465.000.000
Tài khoản lưu ký chứng khoán	5.068.741	5.005.613
Tiền đặt cọc mua tàu Vosco Unity		64.360.797.952
Phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (chi hộ chi phí để quản lý tàu Vinashin-Atlantic)	75.519.615.148	16.617.602.736
Tiền thu hộ vé máy bay	517.222.243	
Phải thu tiền chuyển nhượng bất động sản tại Vũng Tàu	29.502.000	975.000.000
Tạm ghi nhận doanh thu bán dầu	4.406.664.522	
Các khoản chi hộ hàng Shell Việt Nam	178.324.380	
Phải thu Công ty PPG Yung chi Coatings	330.202.539	
Các khoản phải thu khác	245.058.694	281.819.339
Cộng	<u>93.377.682.059</u>	<u>99.041.352.117</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.619.445.315	271.442.329
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	<u>1.619.445.315</u>	<u>271.442.329</u>

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	254.276.790.992	162.291.463.705
Công cụ, dụng cụ	818.972.849	701.020.179
Hàng hóa	1.843.169.734	1.967.297.826
Cộng	<u>256.938.933.575</u>	<u>164.959.781.710</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm P&I	7.226.485.688	4.122.827.298
Chi phí bảo hiểm thuyền viên	18.711.271	157.514.116
Chi phí bảo hiểm vỏ container	218.248.358	278.741.321
Chi phí xếp dỡ, lưu kho container	1.435.625.053	
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản ngắn hạn	19.419.312.845	9.500.000
Chi phí công cụ dụng cụ	21.730.000	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.330.000	
Cộng	<u>28.351.443.215</u>	<u>4.568.582.735</u>

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

7. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	26.810.621.503	92.464.516.602	6.728.511.918.608	9.985.876.208	61.840.555	6.857.834.773.476
Tăng do mua sắm mới		644.456.862.840		142.214.545		644.599.077.385
Tạm tăng tàu Blue Star						
Tăng khác	184.920.001		1.248.485.360			1.433.405.361
Giảm do thanh lý, nhượng bán			(42.084.548.038)	(22.802.553)		(42.107.350.591)
Giảm khác			(1.105.928.794)			(1.105.928.794)
Số cuối kỳ	26.995.541.504	92.464.516.602	7.331.026.789.976	10.105.288.200	61.840.555	7.460.653.976.837

Trong đó Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 78.196.791.368 VND

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	8.909.684.251	15.453.771.551	2.701.419.080.435	7.132.617.959	30.920.292	2.732.946.074.488
Tăng do khấu hao	419.175.372	4.650.132.161	231.447.486.037	533.336.717	5.153.382	237.055.283.669
Giảm do thanh lý, nhượng bán			(41.769.495.387)	(22.802.553)		(41.792.297.940)
Giảm khác			(767.170.212)			(767.170.212)
Số cuối kỳ	9.328.859.623	20.103.903.712	2.890.329.900.873	7.643.152.123	36.073.674	2.927.441.890.005

Giá trị còn lại

Số đầu năm	17.900.937.252	77.010.745.051	4.027.092.838.173	2.853.258.249	30.920.263	4.124.888.698.988
Số cuối kỳ	17.666.681.881	72.360.612.890	4.440.696.889.103	2.462.136.077	25.766.881	4.533.212.086.832

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 7.311.398.723.390 VND và 4.432.874.255.128 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.271.753.720	107.400.000	4.379.153.720
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	4.271.753.720	107.400.000	4.379.153.720
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		78.154.167	78.154.167
Tăng trong kỳ do khấu hao		13.425.000	13.425.000
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		91.579.167	91.579.167
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.271.753.720	29.245.833	4.300.999.553
Số cuối kỳ	4.271.753.720	15.820.833	4.287.574.553

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng dở dang nhà làm việc tại Chi nhánh Nha Trang.

11. Đầu tư vào Công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một thành viên Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco ⁽ⁱ⁾	Sửa chữa tàu biển	17 tỷ VND	100 %	100 %
Công ty TNHH Một thành viên Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ	15 tỷ VND	100 %	100 %
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vosco ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Thương mại	15 tỷ VND	51%	51%

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130591 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco 17.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 2.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.770.082.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển Vosco là 13.229.918.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201130601 ngày 15 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco 15.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 631.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.633.090.910 VND, tương đương 18% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco là 12.366.909.090 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0201137068 ngày 22 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco 7.650.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam đã góp đủ vốn.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		77.048.397.343		77.048.397.343
<i>Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam</i>	7.658.220	73.648.455.343	7.658.220	73.648.455.343
<i>Công ty CP SSV</i>	67.600	3.399.942.000	67.600	3.399.942.000
Đầu tư trái phiếu chính phủ				
Đầu tư vào đơn vị khác		5.135.000.000		3.135.000.000
<i>Trường Cao Đẳng nghề Hàng Hải Vinalines</i>		5.000.000.000		3.000.000.000
<i>Quỹ hỗ trợ phát triển</i>		135.000.000		135.000.000
Cộng		82.183.397.343		80.183.397.343

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác tăng do trong kỳ Công ty góp vốn đầu tư 2 tỷ VND vào Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa các tàu lên đà	57.722.539.723	10.298.718.712	26.077.330.786	41.943.927.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.944.947.200		8.657.501.200	43.287.446.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	91.343.278	67.361.394	57.346.246	101.358.426
Cộng	109.758.830.201	10.366.080.106	34.792.178.232	85.332.732.075

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

16. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	80.410.200.000	119.839.560.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	160.820.400.000	30.291.200.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hải Phòng	65.977.600.000	85.194.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải	103.090.000.000	
Cộng	<u>410.298.200.000</u>	<u>235.324.760.000</u>
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND		
Gốc vay bằng USD	19.900.000,00	12.430.000,00

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	235.324.760.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	532.292.500.000
Tăng do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng ngày cuối tháng	5.041.500.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(362.360.560.000)</u>
Số cuối kỳ	<u>410.298.200.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	839.127.755	7.920.803.932	4.805.307.984	3.954.623.703
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		50.107.258.989	50.107.258.989	
Thuế xuất nhập khẩu	159.609.328	288.610.370	448.219.698	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.409.327.262)	2.013.954.257	3.624.133.585	(13.019.506.590)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản	1.623.301.652			1.623.301.652
Thuế thu nhập cá nhân	2.232.876.141	9.496.535.911	9.227.750.114	2.501.661.938
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		1.547.028.895	1.547.028.895	
Thuế khác		29.000.000	29.000.000	
Các khoản phí, lệ phí khác	25.726.526	1.148.831.242	1.156.120.927	18.436.841
Cộng	(6.528.685.860)	72.552.023.596	70.944.820.192	(4.921.482.456)

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số thuế nộp thừa	(12.195.197.864)	(9.870.197.864)
Số thuế phải nộp	7.273.715.408	3.341.512.004
Cộng	(4.921.482.456)	(6.528.685.860)

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước : 5% và 10%
- Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài : 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với dự án đầu tư *tàu biển*^(*) theo điểm b, khoản 2, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

^(*) Thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại điểm 42 Mục VIII, Phần B, Phụ lục A ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Số thuế phải nộp trong 6 tháng đầu năm 2011 được hạch toán vào Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 2.013.954.257 VND là số tạm tính theo doanh thu và chi phí ước tính trên Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính - mẫu 01A/TNDN quý 1 và 2 năm 2011 của Công ty.

18. Chi phí phải trả

Là khoản trích trước chi phí đóng mới tàu.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.519.535.160	1.703.200.730
Bảo hiểm xã hội	1.278.920.255	
Phải trả về cổ phần hóa	27.474.109.159	27.474.109.159
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	79.099.340.705	4.496.006.425
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động chưa quyết toán	2.526.404.600	1.677.699.427
Nhiên liệu bàn giao tàu Blue Star	548.066.116	548.066.116
Phí giám sát đóng mới tàu	1.200.000.000	1.933.138.350
Nhiên liệu bàn giao tàu Lucky Star	451.999.904	451.999.904
Tạm trích chi phí bán dầu	4.195.028.012	
Phải trả, phải nộp khác	5.363.649.152	7.424.638.686
Cộng	123.657.053.063	45.708.858.797

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.737.886.448	14.117.090.577
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	12.118.965.103	
Chi quỹ trong kỳ	(5.536.720.586)	(6.153.369.540)
Số cuối năm	10.320.130.965	7.963.721.037

21. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ^(a)	373.545.973.490	422.856.473.490
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ^(b)	1.789.565.352.000	1.329.933.376.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ^(c)	148.095.570.000	177.714.684.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt ^(d)	225.035.000.000	225.035.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(e)	304.615.596.020	406.637.077.036
Cộng	2.840.857.491.510	2.562.176.610.526
Trong đó:		
Gốc vay bằng VND	607.383.473.490	665.496.473.490
Gốc vay bằng USD	117.973.485,00	100.183.823,00

(a) Khoản vay bằng VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002 và 2006.

(b) Khoản vay bằng VND Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 0163/09/HP ngày 29/04/2009, số tiền vay 35,21 tỷ VND để mua vỏ container, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thả nổi bằng lãi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (+) 2,5%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Tiên Yên, và:

Khoản vay bằng USD gồm 4 hợp đồng tín dụng:

- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Ocean Star.

- Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.

- Số 115/10/MSB-HP ngày 24/12/2010, số tiền 28,73 triệu USD để thanh toán một phần tiền mua tàu Vosco Unity, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường USD 12 tháng trả lãi sau cộng 3,0%/năm. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Diamond Star.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTD-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.671 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 3 hợp đồng tín dụng:

- Số 82.2009.HĐTD ngày 08/07/2009, số tiền vay 2,73 tỷ VND để mua xe nâng vỏ container, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- Số 112.2009.HĐTD ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Silver Star, Fortune Freighter, Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam) và tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam).

- Số 237.2009.HĐTD ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Silver Star, Fortune Freighter, Lucky Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam) và tàu Blue Star (đồng thế chấp với Ngân hàng phát triển Việt Nam).

(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 6%/năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Polar Star và tàu Golden Star.

Chi tiết số phát sinh trong kỳ của các khoản vay dài hạn như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.562.176.610.526	2.330.371.801.490
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	543.916.360.000	463.140.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(265.235.479.016)	(148.050.461.500)
Số cuối kỳ	2.840.857.491.510	2.645.461.339.990

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	876.821.975	248.722.000
Số trích lập bổ sung trong kỳ		775.259.000
Số đã chi trong kỳ	(770.494.275)	(182.651.600)
Số cuối kỳ	106.327.700	841.329.400

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	1.400.000.000.000 (1.644.681.274)		15.968.205.262	153.397.415.406	1.567.720.939.394
Lợi nhuận trong kỳ này				6.023.473.250	6.023.473.250
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm trước	1.644.681.274				1.644.681.274
Trích lập các quỹ trong kỳ này		11.948.107.068		(23.896.214.136)	(11.948.107.068)
Chia cổ tức năm 2010				(112.000.000.000)	(112.000.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị				(636.000.000)	(636.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.400.000.000.000	11.948.107.068	15.968.205.262	22.888.674.520	1.450.804.986.850

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	840.000.000.000	840.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông	560.000.000.000	560.000.000.000
Cộng	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	140.000.000	140.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.519.382.044.297	1.308.519.006.075
- Doanh thu bán hàng hóa	44.773.442.542	32.919.307.147
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.474.608.601.755	1.275.599.698.928
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán	3.578.253.013	3.309.623.794
Doanh thu thuần	1.515.803.791.284	1.305.209.382.281
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	44.773.442.542	32.919.307.147
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.471.030.348.742	1.272.290.075.134

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	39.605.664.889	28.834.905.237
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.273.181.720.123	1.094.260.061.142
Cộng	1.312.787.385.012	1.123.094.966.379

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	806.867.297	390.282.686
Lãi bán ngoại tệ	116.788.854	335.389.784
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.222.417.952	10.444.823.046
Cộng	5.146.074.103	11.170.495.516

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	98.104.933.597	53.592.938.983
Lỗ bán ngoại tệ	1.382.955.390	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.096.694.352	27.897.664.947
Chi phí tài chính khác	5.515.109	7.122.125
Cộng	148.590.098.448	81.497.726.055

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.076.944.918	1.176.906.864
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	51.070.163	10.947.782
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.998.000	16.534.362
Chi phí quảng cáo tiếp thị	457.731.000	72.833.818
Chi phí hoa hồng vận tải	41.696.361.624	35.599.023.449
Chi phí khác	1.025.102.958	1.003.792.551
Cộng	44.327.208.663	37.880.038.826

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.330.087.818	12.893.089.404
Chi phí vật liệu quản lý	1.007.117.794	867.848.194
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.614.859	293.876.564
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.112.174.620	1.183.468.586
Thuế, phí và lệ phí	2.594.510.787	3.279.214.734
Chi phí sửa chữa	104.006.599	120.127.818
Chi phí điện nước	252.377.218	248.820.889
Chi phí thông tin	478.399.651	498.281.030
Chi phí hội nghị, tiếp khách	1.060.872.711	741.565.040
Chi phí đào tạo	45.965.000	143.110.120
Công tác phí, tàu xe đi phép	992.990.086	1.126.394.774
Chi phí khác	2.071.166.748	1.783.159.021
Cộng	28.199.283.891	23.178.956.174

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý Tài sản cố định	21.716.387.516	14.835.200.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng		519.232.000
Thu phí quản lý tàu cho Viconship		130.000.000
Thu thanh lý phế liệu		77.325.782
Thu nhập khác	1.476.471.946	903.116.609
Cộng	23.192.859.462	16.464.874.391

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí và Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	400.805.333	1.411.449.187
Chi phí khác	254.243.367	181.056.328
Cộng	655.048.700	1.592.505.515

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.023.473.250	53.600.559.239
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.023.473.250	53.600.559.239
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	140.000.000	140.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	383

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	1.953.199.000	2.001.821.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Trả cổ tức cho Công ty mẹ		18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Công ty mẹ về Cổ phần hóa	27.474.109.159	27.474.109.159
Phải trả Công ty mẹ về cổ tức	67.200.000.000	
Cộng nợ phải trả	94.674.109.159	27.474.109.159

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay để đóng mới tàu	0	9.259.591.611
Tổng chi phí lãi vay vốn hoá	0	9.259.591.611

Tỷ lệ vốn hóa

15 %

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Dịch vụ vận tải biển
- Lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ khác

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và ngoài nước, xem Phụ lục 3.

4. Thay đổi chính sách kế toán

Từ năm 2009, Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV.16). Theo đó, khoản lỗ do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ năm 2009 còn lại đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn").

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bùi Việt Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Vận tải biển	Thương mại và Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
6 tháng đầu năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.449.354.027.312	66.449.763.972	-	1.515.803.791.284
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.449.354.027.312	66.449.763.972	-	1.515.803.791.284
Chi phí bộ phận				
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.322.233.892.452	63.079.985.114	-	1.385.313.877.566
Doanh thu hoạt động tài chính	127.120.134.860	3.369.778.858	-	130.489.913.718
Chi phí tài chính	-	-	-	-
Thu nhập khác	127.120.134.860	3.369.778.858	-	130.489.913.718
Chi phí khác	4.615.905.580	530.168.523	-	5.146.074.103
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	147.969.842.107	620.256.341	-	148.590.098.448
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.634.529.159	558.330.303	-	23.192.859.462
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	422.550.200	232.498.500	-	655.048.700
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	675.000.000	1.338.954.257	-	2.013.954.257
Chi phí lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.303.177.292	2.266.568.586	-	7.569.745.878
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	655.608.428.731	79.134.121	-	655.687.562.852
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	261.953.417.065	1.249.968.636	-	263.203.385.701
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạc Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

PHỤ LỤC 1

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Vận tải biển	Thương mại và Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
6 tháng đầu năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.250.896.273.293	54.313.108.988	-	1.305.209.382.281
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.250.896.273.293	54.313.108.988	-	1.305.209.382.281
Chi phí bộ phận	1.135.202.650.106	48.951.311.273	-	1.184.153.961.379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	115.693.623.187	5.361.797.715	-	121.055.420.902
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	115.693.623.187	5.361.797.715	-	121.055.420.902
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.316.400.160	854.095.356	-	11.170.495.516
Doanh thu hoạt động tài chính	80.811.925.338	685.800.717	-	81.497.726.055
Chi phí tài chính	15.614.544.409	850.329.982	-	16.464.874.391
Thu nhập khác	1.411.867.187	180.638.328	-	1.592.505.515
Chi phí khác	-	-	-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	10.450.053.998	1.549.946.002	-	12.000.000.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	48.950.721.233	4.649.838.006	-	53.600.559.239
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	511.652.289.449	-	-	511.652.289.449
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	217.340.590.802	1.229.194.760	-	218.569.785.562
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

PHỤ LỤC 2

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Vận tải biển	Thương mại và Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ	5.179.176.505.390	75.320.622.262	-	5.254.497.127.652
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	97.065.028.222	-	-	97.065.028.222
Tổng tài sản	3.846.591.688.229	34.949.077.202	-	3.881.540.765.431
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	10.320.130.965	-	-	10.320.130.965
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	3.856.911.819.194	34.949.077.202	-	3.891.860.896.396
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.730.730.722.076	66.207.560.771	-	4.796.938.282.847
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	95.065.028.222	-	-	95.065.028.222
Tổng tài sản	3.282.026.853.886	38.517.631.341	-	3.320.544.485.227
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	3.737.886.448	-	-	3.737.886.448
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	3.285.764.740.334	38.517.631.341	-	3.324.282.371.675

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	342.108.193.653	245.582.214.856
Khu vực nước ngoài	1.173.695.597.631	1.059.627.167.425
Cộng	1.515.803.791.284	1.305.209.382.281

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản:
Tiêu thức phân bổ theo Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	147.984.910.064	96.270.149.590
Khu vực nước ngoài	507.702.652.788	415.382.139.859
Cộng	655.687.562.852	511.652.289.449

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	1.185.909.766.971	902.569.920.215
Khu vực nước ngoài	4.068.587.360.681	3.894.368.362.632
Cộng	5.254.497.127.652	4.796.938.282.847